



**越南通威**  
TONGWEI VIETNAM

**CÔNG TY TNHH TONGWEI VIỆT NAM**  
**VIỆN NTTS TRƯỜNG ĐH NHA TRANG**

# **THỎA THUẬN HỢP TÁC**

# **合作协议**

**越南通威有限责任公司**

**芽庄大学水产养殖院**



Ngày 01 tháng 4 năm 2014

**THỎA THUẬN HỢP TÁC**  
**GIỮA**  
**VIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**  
**VÀ**  
**CÔNG TY TNHH TONGWEI VIỆT NAM**  
**越南通威责任有限公司与芽庄大学水产养殖院的合作协议**

Nhằm đẩy mạnh các chương trình hợp tác trong Đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ giữa Viện Nuôi trồng Thủy sản - Trường Đại học Nha Trang và Công ty TNHH TONGWEI Việt Nam;

为了加强芽庄大学-水产养殖院与越南通威责任有限公司之间的干部培训、科学研究、工艺转交的合作;

Hôm nay, ngày            tháng            năm 2014, tại Nha Trang gồm:

今天, 2014年04月01日, 在芽庄双方有:

Viện Nuôi trồng thủy sản (NTTS) - Trường Đại học Nha Trang cùng Công ty TNHH TongWei VN nhất trí ký kết thỏa thuận về hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ theo các điều khoản dưới đây:

芽庄大学水产养殖院与越南通威责任有限公司按照关于培训合作、科学研究、工艺转交的以下条件达成共识:

**Điều 1. Nguyên tắc hợp tác**

**第一条. 合作原则**

1. Chương trình hợp tác này là những định hướng chung mà hai bên đã thống nhất khi Ban Lãnh đạo Viện NTTS đến thăm Công ty TongWei VN vào tháng 12 năm 2013. Các nội dung hợp tác sẽ được hai bên thoả thuận theo các lĩnh vực cụ thể bằng các văn bản hợp đồng kèm theo.

这次合作是水产养殖院领导在 2013 年 12 月到通威公司拜访时双方交流达成协议。合作内容由双方根据具体的领域协商以书面形式来表达协议。

2. Hai bên sẽ cử đại diện làm đầu mối để trao đổi mọi vấn đề liên quan đến chương trình hợp tác trên nguyên tắc hiểu biết lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

双方将安排代表人沟通协调 在互相了解、平等、共赢的原则上交流合作内容。

**Điều 2. Mục tiêu hợp tác**

**第二条. 合作目标**

Hai bên thỏa thuận tăng cường hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm:

双方商妥加强培训、科学研究、工艺转交的合作, 为了:

1. Khai thác tiềm năng về cơ sở vật chất, con người, kinh nghiệm của hai bên.

开发双方的物质基础、人、经验的潜能。

2. Góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ của cả hai bên.

提高双方干部的业务能力。

3. Phát triển nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản phục vụ cho sự phát triển của cả hai bên.

为了服务双方的发展, 在水产领域发展研究、应用、工艺转交、组织生产经营。

### **Điều 3. Nội dung hợp tác**

#### **第三条. 合作内容**

##### **A. Viện NTTS có trách nhiệm:**

水产养殖院责任:

- Tiến cử TS Nguyễn Tấn Sỹ làm chuyên gia cố vấn để xúc tiến các chương trình hợp tác và tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và nghiên cứu khoa học cho đội ngũ công nhân, cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu của Công ty TNHH TongWei VN.

安排阮晋士博士为越南通威公司的顾问, 以促进双方的各种合作项目及组织各种短期的培训课程, 提高越南通威工人队伍、管理干部队伍、研究队伍的专业能力和研究能力。

- Giới thiệu các chuyên gia có học vị Tiến sĩ tham gia những dự án nghiên cứu khoa học của tổng bộ TongWei đề xuất.

推荐学位博士以上的专家参加通威总部的各项研究项目。

- Xây dựng các chương trình đào tạo và bồi dưỡng và cấp chứng chỉ đào tạo ở các trình độ theo đề nghị của Công ty TNHH Tongwei VN.

根据越南通威公司的需求建立培训培养课程并提供证书

- Kết hợp và tạo điều kiện hỗ trợ về trang thiết bị, cơ sở vật chất để tiến hành các khảo nghiệm về các sản phẩm mới của Công ty và hỗ trợ các thủ tục để sản phẩm mới được công nhận và bổ sung vào danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam.

配合并支持越南通威公司进行试验新的产品、支持办理新产品备案手续。

- Tư vấn và hỗ trợ cho Công ty TNHH Tongwei VN trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, thực tế sản xuất, hay dự đoán xu hướng của thị trường.

顾问并支持越南通威公司的各种科学研究、实际生产、市场趋势判断的各种活动。

- Giới thiệu sinh viên khá, giỏi và xuất sắc của Trường và hỗ trợ để Công ty tuyển chọn nhân sự vào làm việc.

推荐卓越学生、优秀学生, 好学生给越南通威公司选用。

##### **B. Công ty TNHH Tongwei VN có trách nhiệm:**

越南通威公司的责任

- Tiến cử chủ nhiệm phòng hành chính nhân sự Nguyễn Thị Tuyền đại diện công ty làm đầu mối để xúc tiến các chương trình hợp tác với Viện NTTS – Trường Đại học Nha Trang.

Điều 4. Phương thức thực hiện

安排公司人行部阮氏泉作为联系窗口与芽庄大学-水产养殖院联系促进双方的合作项目。

- Cung cấp thông tin và đặt hàng về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm để Viện NTTS có kế hoạch tổ chức thực hiện.

每年提供培训需求的信息并下订单给水产养殖院制作培训培养计划。

- Phối hợp với Viện NTTS đề xuất và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, chương trình, dự án có khả năng ứng dụng cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội và phù hợp với thế mạnh của hai bên.

配合水产养殖院提出并开展各种科学研究项目、应用性高的项目来服务社会的发展而适合双方的能力和优势。

- Hàng năm phối hợp với Viện NTTS xem xét cấp học bổng cho 10 sinh viên có kết quả học tập xuất sắc với mức 3.000.000 đồng/Sinh viên trong thời gian 5 năm để tạo nguồn nhân lực cho Công ty TNHH TongWei VN nói riêng và ngành NTTS Việt Nam nói chung. (Học kỳ một 5 sinh viên, học kỳ hai 5 sinh viên)

为了给水产养殖院和越南通威公司提供更多的人力资源，在五年期间每年配合水产养殖院提供奖学金给 10 名优秀学生，3.000.000 越盾/名（上半年五名，下半年五名）

- Kết hợp với chủ chương của Viện NTTS – Trường Đại học Nha Trang hàng năm xem xét khích lệ đối với những giảng viên hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao với mức 10.000.000đ/giảng viên.

结合芽庄大学水产养殖院的主张，每年考虑对完成任务的优秀老师提供鼓励奖 10.000.000 越盾/名。

- Tiến hành trao đổi, thỏa thuận, đặt hàng những nghiên cứu, thử nghiệm, mô hình nuôi, sản phẩm, đánh giá hiệu quả sản phẩm khi công ty có nhu cầu.

对养殖模式、产品的研究试验、养殖效果评价等项目进行沟通协调、下发订单。

- Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Viện NTTS theo thỏa thuận hàng năm giữa hai bên.

每年根据双方的协议，对水产养殖院的各种培训和科学研究项目支持费用

- Tuyển chọn trong số sinh viên tốt nghiệp Đại học và Cao đẳng loại khá, giỏi, xuất sắc của Viện NTTS – Trường Đại học Nha Trang có năng lực chuyên môn phù hợp với Công ty TNHH TongWei VN vào làm việc.

选聘芽庄大学-水产养殖院的本科及大专的卓越、优秀、好毕业来司工作，符合公司的条件。

- Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh từ Viện NTTS – Trường Đại học Nha Trang tham gia thực tập, tìm hiểu thực tế sản xuất và quản lý tại Công ty TNHH TongWei VN, mỗi đợt tối đa 20-30 sinh viên, nhằm thực hiện hiệu quả nhất việc kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với thực tiễn sản xuất.

创造顺利的条件给芽庄大学-水产养殖院的毕业生、研究生参加实习，每次 20-30 名了解越南通威公司的管理及实际生产情况以有效执行培训和生产的结合性

#### **Điều 4. Phương thức thực hiện**

#### Điều 4. Phương thức thực hiện

#### 第四条：实施方式

1. Theo hiệu lực của bản thoả thuận hợp tác, các bộ phận chuyên môn của hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc và xây dựng các chương trình hợp tác cụ thể hàng năm hoặc nhiều năm. Sau khi được lãnh đạo hai bên phê duyệt sẽ tổ chức triển khai.

根据协议书的有效期，双方的专业部门要见面讨论并建立每年或者多年的合作项目，双方领导审批后进行开展工作。

2. Hàng năm lãnh đạo hai bên tiến hành gặp gỡ và trao đổi để có những đánh giá tổng quan về quá trình hợp tác, từ đó quyết định những nội dung và chương trình hợp tác tiếp theo.

每年双方领导要见面讨论并评价合作的过程，从此决定后面的合作项目。

#### Điều 5. Hiệu lực

#### 第五条：有效期间

Viện NTTS - Trường Đại học Nha Trang và Công ty TNHH TongWei VN cam kết huy động tốt các nguồn lực (tài chính, con người, thời gian, trang thiết bị, cơ sở vật chất) để thực hiện có hiệu quả các nội dung hợp tác nêu trên.

芽庄大学-水产养殖院和越南通威公司承诺整合最好的资源（财政，人，时间，设施，物质基础）有效的执行合作内容。

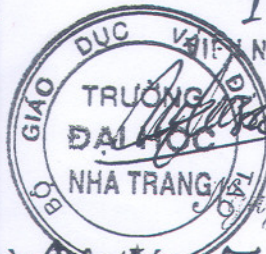
Thỏa thuận hợp tác này có hiệu lực trong 05 năm kể từ ngày ký và được lập thành 4 bản mỗi bên giữ 2 bản để thực hiện.

本协议的有效期为五年、从签字日期起生效，本协议一式 04 份双方各执 02 份。

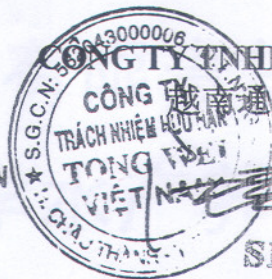
VIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

水产养殖院

1. VIỆN TRƯỞNG



Ngày 01 tháng 04 năm 2014



SHEN JIN ZHU

2014 年 04 月 01 日

Ngày 01 tháng 4 năm 2014